

Số 15/BC-HB

Hồng Bàng, ngày 1 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 2475/SGDDĐT- GDTrH ngày 16/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Lịch chỉ đạo thực hiện chương trình Giáo dục Trung học năm học 2024-2025; Công văn số 439/GDDĐT ngày 30/8/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Hồng Bàng về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Trung học cơ sở năm học 2024-2025;

Trường THCS Hồng Bàng báo cáo công khai chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu – chi tài chính như sau:

A. BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường THCS Hồng Bàng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

2. Địa chỉ:

- Trụ Sở chính: Số 4 Đinh Tiên Hoàng, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

- Cơ sở II: Số 92 Phan Bội Châu, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Website: <https://thcshongbang.haiphong.edu.vn>

Email: thcshongbang@hongbang.edu.vn

3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ:

- Loại hình: Công lập.

- Cơ quan chủ quản: UBND quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở và thực hiện công tác phổ cập trung học cơ sở các phường Minh Khai, Hoàng Văn Thụ, Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

4.1. Sứ mệnh:

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, có chất lượng cao. Mỗi học sinh tự rèn luyện, phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và có cơ hội phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực.

4.2. Tầm nhìn

Xây dựng trường THCS Hồng Bàng thành trường trọng điểm của thành phố về môi trường học tập, về chất lượng giáo dục, học sinh khỏe mạnh về thể chất, phong phú về tâm hồn, bản lĩnh và trí tuệ, đáp ứng quá trình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Đến năm 2030, trường THCS Hồng Bàng có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, Ứng dụng mạnh mẽ Công nghệ thông tin vào quản lý, giảng dạy và học tập; là địa chỉ tin cậy của nhân dân và học sinh.

4.3. Mục tiêu:

4.3.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục cao, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển con người Việt nam toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mỹ, hướng tới “công dân toàn cầu”.

4.3.2. Các mục tiêu cụ thể

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức tốt, có lòng yêu nghề và năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình và phương pháp mới.

- Thực hiện tốt chức năng quản lý giáo dục. Đổi mới công tác quản lý giáo dục phù hợp với việc đổi mới chương trình giáo dục.

- Nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa tương ứng với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Tích cực đưa công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

- Đến 2030, trường có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại theo mô hình trường học thông minh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

Trường THCS Hồng Bàng được thành lập năm 1974 với tiền thân là trường Phổ thông cơ sở (Cấp I-II) Hồng Bàng, trong chặng đường hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, nhà trường cũng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đến năm 1991 theo Quyết định số 99/QĐ-UB ngày 26/7/1991 về việc sắp xếp lại các trường. Trường cấp I-II Hồng Bàng được tách khỏi cấp I về các trường Cấp I Đinh Tiên Hoàng và Nguyễn Tri Phương và tiếp nhận thêm khối cấp II của trường các trường Đinh Tiên Hoàng. Trường mang tên là Trường Phổ thông Cấp II Hồng Bàng.

Đến tháng 6/2022 thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 về việc sáp nhập trường THCS Phan Bội Châu vào trường THCS Hồng Bàng.

Trải qua hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển trường THCS Hồng Bàng đã luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, trở thành một trong những lá cờ đầu của ngành giáo dục quận Hồng Bàng nói riêng và thành phố Hải Phòng nói chung.

Tập thể nhà trường vinh dự được đón nhận những phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước, Bộ GD&ĐT và thành phố Hải Phòng trao tặng, cụ thể:

Huân chương Lao động Hạng Ba - năm 1992.

Huân chương Lao động Hạng Nhì - năm 2004.

Huân chương Lao động Hạng Nhất - năm 2009.

Huân chương Độc lập Hạng Ba - năm 2023.

Liên tục các năm học từ 2018-2019 đến 2023-2024 được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua.

Cờ thi đua của Chủ tịch UBND Thành phố năm học 2024-2025

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

Người đại diện pháp luật: Ông Trịnh Doãn Toàn

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Số 4 Đinh Tiên Hoàng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Số điện thoại: 0982051118

Email: trinhtoan79hp@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):

Quyết định số 99/1991/QĐ-UB ngày 26/7/1991 của UBND quận Hồng Bàng về việc sắp xếp lại các trường PTCS trực thuộc quận Hồng Bàng.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2024-2029 được công nhận theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TTBGDDT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT), Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 10 tháng 03 năm 2025 của UBND quận Hồng Bàng.

Hội đồng trường gồm 13 thành viên gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ công tác hiện nay	Chức vụ Hội đồng trường
1	Trịnh Doãn Toàn	Bí thư Đảng bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Nguyễn Thị Thùy Dương	Phó Chủ tịch UBND phường MK	Phó CT Hội đồng
3	Cao Thị Hằng	Phó Hiệu trưởng	Phó CT Hội đồng
4	Lê Thị Thúy	Phó Hiệu trưởng	Phó CT Hội đồng
5	Phạm Thị Thủy	Tổ trưởng chuyên môn	Thư ký
6	Tô Thị Thanh Thúy	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
7	Nguyễn Thị Huyền Trang	TT tổ Văn phòng	Thành viên
8	Nguyễn Trọng Nghĩa	Bí thư chi đoàn	Thành viên
9	Phạm Thị Thúy Hòa	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
10	Đoàn Quốc Việt	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
11	Nguyễn Văn Thắng	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
12	Phan Giang Từ	Trưởng ban ĐDCMHS	Thành viên
13	Em Đoàn Ngọc Khánh	Học sinh lớp 8A4	Thành viên

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:

Hiệu trưởng: Trịnh Doãn Toàn

Ngày tháng năm sinh: 07/8/1979

Bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Hồng Bàng ngày 25 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND quận Hồng Bàng.

Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 05 năm.

Phó hiệu trưởng: Cao Thị Hằng

Ngày tháng năm sinh: 8/9/1971.

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường THCS Hồng Bàng ngày 25 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND quận Hồng Bàng.

Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 03 năm.

Phó hiệu trưởng: Lê Thị Thúy

Ngày tháng năm sinh: 06/02/1977.

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Hồng Bàng theo quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Chủ tịch UBND quận Hồng Bàng.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

7.4.1. Cơ chế hoạt động của trường THCS Hồng Bàng

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện

kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

7.4.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Nhà trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, môi trường làm việc và học tập xanh - sạch - đẹp.

Trường THCS Hồng Bàng là cơ sở giáo dục trung học cơ sở (THCS) của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND quận Hồng Bàng

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVCh), trang thiết bị theo

quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 13 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 Đảng bộ (có 4 chi bộ trực thuộc với 86 đảng viên).

+ Tổ chức Công đoàn có 112 công đoàn viên.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

1. Số biên chế được UBND quận Hồng Bàng giao năm 2024:

Số biên chế được giao năm 2025: 104

Số biên chế hiện tại: 103

	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo			Ghi chú
			CĐ	ĐH	Th Sỹ	
Hiệu trưởng	01	0	0	0	01	
Phó Hiệu trưởng	02	02	0	02	0	
Giáo viên	98	81	2	74	22	
Tổng phụ trách	1	1	0	1	0	

	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo			Ghi chú
			CD	ĐH	Th Sỹ	
Nhân viên	03	03	1	02	0	Trong đó có 01 NVHĐ
Tổng	105	87	3	79	23	

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở Hồng Bàng năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
			ThS	ĐH	CD	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình
	Tổng số CBQL, GV, NV	105	23	79	03	36	63	2	95	6	0
I	Giáo viên	98	22	73	2	36	63	2	92	6	0
1	Toán	21	10	11	0	10	11	0	19	2	0
2	KHTN	16	3	13	0	11	5	0	15	1	0
3	Công nghệ	4	0	4	0	0	4	0	4	0	0
4	Tin học	3	0	3	0	1	2	0	3	0	0
5	Ngữ văn	20	8	12	0	9	11	0	20	0	0
6	Ngoại ngữ	15	1	14	0	1	12	2	15	0	0
7	GDCĐ	2	0	2	0	0	2	0	2	0	0
8	Lịch sử-Địa lý	6	0	6	0	2	4	0	6	0	0
9	GDTC	5	0	5	0	1	4	0	5	0	0
10	NT (Mỹ Thuật)	3	0	3	0	1	2	0	3	0	0
11	NT (Âm nhạc)	3	0	1	2	2	1	0	1	2	0
12	HDTN-HN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	GDĐP	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	3	0	0	0	0	2	1	3	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	0	1	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	0	0	1	1	2	0	0

11/01/2025 11:11

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
			ThS	ĐH	CD	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình
	Tổng số CBQL, GV, NV	105	23	79	03	36	63	2	95	6	0
III	Nhân viên	9	0	2	1						
1	NV văn thư	1	0	0	1						
2	NV kế toán	1	0	1							
3	Thủ quỹ	0	0	0							
4	Nhân viên y tế	0	0	0							
5	NV thư viện	1	0	1	0						
6	Nhân viên TB-TN	0	0	0	0						
4	NV hỗ trợ GD NKT	0	0	0	0						
8	Nhân viên CNTT	0	0	0	0						
9	Bảo vệ (NĐ 111)	6	0	0	0						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS Hồng Bàng năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	48	0.81
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	4	0.81
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	0
7	Bình quân lớp/phòng học	52/48	1.1
8	Bình quân học sinh/lớp	48.8	48.8
III	Số điểm trường	1	

IV	Tổng số diện tích đất (m ²)		5336.7	21.1
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)		1378.12	0.45
VI	Tổng diện tích các phòng			
1	Diện tích phòng học (m ²)		2052 m2	0.81
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)		250 m2	0.099
3	Diện tích thư viện (m ²)		100 m2	0.039
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		0	0
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)		96 m2	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		18	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		18	
1.1	Khối lớp 6		5	0.0079
1.2	Khối lớp 7		5	0.0062
1.3	Khối lớp 8		5	0.0074
1.4	Khối lớp 9		3	0.0055
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		27	
2.1	Khối lớp 6		6	0.0094
2.2	Khối lớp 7		7	0.0088
2.3	Khối lớp 8		7	0.0104
2.4	Khối lớp 9		7	0.0128
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		0	
4	...			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		115	15 học sinh/ 1 bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			Số thiết bị/lớp
1	Màn hình tương tác/tivi/máy chiếu		48	1
2	Cát xét		5	0.096
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh

		giáo viên				
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		x
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XV	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

Trường THCS Hồng Bàng đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Hồng Bàng đã tự đánh giá chất lượng giáo dục để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí Phòng GD&ĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS Hồng Bàng đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.

7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm các thành viên với đầy đủ các thành phần: Đảng bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỳ cương nền nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Hồng Bàng, năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- Học sinh đúng tuyển: Đã hoàn thành CTr tiểu học. - Học sinh trái tuyển Đã hoàn thành CTr tiểu học và có điểm các bộ môn Toán, Tiếng Việt, tiếng Anh cấp tiểu học đạt từ 8,0 trở lên.	- HS hoàn thành CTr lớp 6 của nhà trường và có KQ học tập và rèn luyện xếp loại Đạt trở lên. - HS chuyển từ trường khác về: Hoàn thành CTr lớp 6 và có KQ học tập và rèn luyện xếp loại Tốt	- HS hoàn thành CTr lớp 7 của nhà trường và có KQ học tập và rèn luyện xếp loại Đạt trở lên. - HS chuyển từ trường khác về: Hoàn thành CTr lớp 7 và có KQ học tập và rèn luyện xếp loại Tốt	- HS hoàn thành CTr lớp 8 của nhà trường và có KQ học tập và rèn luyện xếp loại Đạt trở lên. - HS chuyển từ trường khác về: Hoàn thành CTr lớp 8 và có KQ học tập và rèn luyện xếp loại Tốt
II	Chương trình giáo dục	- Thực hiện theo Kế hoạch giáo dục của nhà trường xây dựng theo chương trình GDPT 2018 (35 tuần thực học)			

11/01/2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
		và các quy định về chuyên môn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT quận Hồng Bàng quy định.			
III	Phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội để giáo dục toàn diện học sinh. - Tổ chức họp PHHS 03 lần/năm học để thông qua kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục toàn diện, xây dựng qui chế phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh trong việc giáo dục học sinh; công khai các khoản thu của nhà trường, công khai về điều kiện CSVC, công khai về đội ngũ và chất lượng giáo dục. - Thông qua Nội qui, Qui chế, Điều lệ nhà trường, triển khai các quy định về quyền lợi, nghĩa vụ của học sinh, của cha mẹ học sinh trong công tác phối hợp. Đảm bảo thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình. - Học sinh có thái độ tích cực học tập, tu dưỡng và rèn luyện, về nhà chăm chỉ học bài, làm bài tập đầy đủ.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp với nội dung và hình thức phong phú. - Thực hiện chính sách miễn giảm học phí, quan tâm, chăm lo, hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. - Tổ chức các câu lạc bộ Cầu lông, Pickaball - Tổ chức phổ cập bơi cho học sinh.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của HS dự kiến đạt được.	- Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập của học sinh dự kiến đạt được 99% trở lên. - Sức khỏe của học sinh đạt 100 %			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Bảo đảm tỷ lệ lên lớp và tốt nghiệp theo kế hoạch, đúng chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện để HS có khả năng tiếp tục học tập. - Đảm bảo chất lượng 85% - 90% học sinh dự thi đỗ vào các trường THPT công lập. - 100% học sinh có đủ trình độ, kiến thức để tiếp tục học tập tại bậc THPT.			

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS Hồng Bàng năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2641	632	795	671	543
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2600	625	772	663	540
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40	7	23	8	2
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	1
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1964	465	565	494	440
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	547	142	193	140	72
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	128	25	37	35	31
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2	0	0	2	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2526	803	667	544	512
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					444
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					59
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0				
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Đến 38; Đi 43	07 07	8 16	18 14	5 6
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0				
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	694				
1	Cấp quận	219				
2	Cấp tỉnh/thành phố	143				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	332				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số hs được công nhận tốt nghiệp					543
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	Nữ 1296	315	390	309	282

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	13	4	3	4	2

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Biểu 1: Quyết toán thu- chi ngân sách năm 2024

TT	Nội dung	Dự toán
A	Quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước	
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	697.555.113
	- Dự toán được giao trong năm	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	16.037.415.032
	+ Dự toán bổ sung trong năm	5.314.411.734
	+ Kinh phí giảm trong năm	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	22.049.381.879
	- Kinh phí quyết toán	21.903.049.331
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	146.332.548
	+ Kinh phí đã nhận	0
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	146.332.548
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	
	Dự toán được giao trong năm	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	1.214.838.568
	+ Dự toán bổ sung trong năm	5.555.363.000
	+ Kinh phí giảm trong năm	73.663.984
	- Kinh phí thực nhận trong năm	6.696.537.584
	- Kinh phí quyết toán	6.694.767.584
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm	
	+ Kinh phí đã nhận	
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	
	- Số dư kinh phí bị huỷ	1.770.000

2. Biểu 2 : Các khoản thu, chi ngoài ngân sách và khoản thu hộ, chi hộ

TT	Nội dung	Số tiền
1	Học phí (nếu có)	

1,1	Số dư năm trước chuyển sang	370.579.088
1,2	Mức thu	
1,3	Tổng số thu trong năm	3.106.932.000
1,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	3.477.511.088
1,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	3.477.511.088
1,6	Số chi trong năm	2.500.469.514
	Trong đó: - Bỏ sung chi lương	2.455.149.514
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	39.320.000
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi khác	6.000.000
1,7	Số dư cuối năm	977.041.574
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)	
2,1	Dạy thêm học thêm	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	1.986.664.760
2.1.2	Mức thu: 12,000đ/tiết	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	6.019.776.000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	8.006.440.760
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	8.006.440.760
2.1.6	Số chi trong năm	6.948.027.220
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	4.129.566.336
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, các hoạt động khác	1.486.629.364
	- Chi công tác quản lý, chi đạo	722.360.000
	- Chi phúc lợi	489.076.000
	- Nộp 2% thuế TNDN	120.395.520
2.1.7	Số dư cuối năm	1.058.413.540
2,2	Học nghề tin	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	35.240.000
2.1.2	Mức thu	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	0
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	
2.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - 100% hỗ trợ CSVC, hoạt động dạy tin học	
2.1.7	Số dư cuối năm	35.240.000

3	Tài trợ giáo dục	
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	2.062.105.079
3.2	Tổng số thu trong năm	1.862.700.000
3.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	3.924.805.079
3.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	3.924.805.079
3.5	Số chi trong năm	2.060.948.650
	mua sắm máy móc thiết bị lớp học thông minh	2.060.948.650
3.6	Số dư cuối năm	1.863.856.429
4	Dịch vụ Trông giữ xe	
4.1	Số dư năm trước chuyển sang	
4.2	Mức thu 30.000đ/1 HS/1 xe	
4.3	Tổng số thu trong năm	226.080.000
4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	226.080.000
4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	226.080.000
4.6	Số chi trong năm	217.408.000
	Trong đó:	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	22.608.000
	- Chi cho người tham gia	194.800.000
	- Chi khác	
4.1.7	Số dư cuối năm	8.672.000
5	Tin học VP MOS	
5.1	Số dư năm trước chuyển sang	108.600.288
5.2	Mức thu: 12.000/HS/tiết	
5.3	Tổng số thu trong năm	719.796.000
5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	828.396.288
5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	828.396.288
5.6	Số chi trong năm	607.210.076
	Trong đó: - Chi cho GV dạy	493.780.056
	- Chi quản lý tại trường	83.608.000
	- Chi chuyên môn, CSVC	15.426.100
	- 2% nộp thuế TNDN	14.395.920
	- Chi phúc lợi TT	
5.7	Số dư cuối năm	221.186.212
6	Các khoản thu khác	
6.1	Bảo hiểm y tế học sinh	
6.1.1	Số học sinh: 2307 hs	
6.1.2	Mức thu: 884.520đ/hs/ năm	
6.1.3	Tổng thu	2.040.587.640
6.1.4	Đã chi	2.040.587.640
6.1.5	Dư	0
6.2	Vòng tay bè bạn (quỹ kế hoạch nhỏ)	

6.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	2.251.400
6.2.2	Số học sinh: 2565 hs	
6.2.3	Mức thu: 3500đ/1 HS/1 tháng	
6.2.4	Tổng thu	80.808.000
6.2.5	Đã chi	78.959.000
6.2.6	Dư	4.100.400
6.3	Nước uống học sinh	
6.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
6.3.2	Số học sinh: 2448 hs	
6.3.3	Mức thu: 10.000đ/hs/tháng	
6.3.4	Tổng thu	230.880.000
6.3.5	Đã chi	230.880.000
6.3.6	Dư	0
6.4	Hội phí Chữ thập đỏ, nuôi lợn siêu trọng	
6.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	22.405.000
6.4.2	Số học sinh: 2644hs	0
6.4.3	Mức thu: (Tuỳ từng đợt phát động phong trào)	
6.4.4	Tổng thu	69.623.000
6.4.5	Đã chi	48.004.000
6.4.6	Dư	44.024.000
6.5	Chăm sóc SKBDHS	
6.5.1	Số dư năm trước chuyển sang	107.531.990
6.5.2	Số học sinh:	
6.5.3	Mức thu: BHXH cấp trích KP CSSKBĐ năm 2024	
6.5.4	Tổng thu	115.100.338
6.5.5	Đã chi	114.957.761
6.5.6	Dư	107.674.567

3. Biểu 3: Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

Năm học 2024-2025 nhà trường có 03 học sinh thuộc diện miễn học phí và được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021 của chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc về hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Tổng số tiền học phí được miễn: 2.116.000đ

Tổng số tiền hỗ trợ chi phí học tập: 3.450.000đ

B. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức

Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ đầu tháng 8/2024 (*dự toán thu chi tài chính 2024 thông báo và đăng tải sau khi có quyết định phân bổ ngân sách của UBND quận Hồng Bàng*).

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2024) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: Phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo đến phụ huynh học sinh trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: Tổ chức họp cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm (*đầu năm, cuối học kỳ I và cuối năm học*) để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Nơi nhận:

- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- Lưu: VT.



TRỊNH DOÃN TOÀN

Trịnh Doãn Toàn